

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình và các Công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 19/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, số 965/UBND-KTN ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc đăng ký bổ sung danh mục công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023, số 967/UBND-KTN ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc đăng ký bổ sung danh mục công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh, số 1005/UBND-KTN ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai (chi tiết theo Biểu 01 và các Biểu từ 1.1 đến 1.8 kèm theo Nghị quyết).

2. Danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp theo điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai (chi tiết theo Biểu 02 và các Biểu từ 2.1 đến 2.8 kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tiếp tục triển khai thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2023 đối với các công trình theo Biểu 03 và các Biểu từ 3.1 đến 3.9 kèm theo Nghị quyết.

2. Điều chỉnh thông tin công trình, dự án (Chi tiết theo Biểu 04 và các Biểu từ 4.1 đến 4.6 kèm theo Nghị quyết).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó:

a) Chịu trách nhiệm về các thông tin làm cơ sở để Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ; về sự phù hợp của việc sử dụng đất thực hiện dự án (về vị trí, diện tích, loại đất) với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

b) Đối với danh mục các dự án thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua danh mục thu hồi đất để đảm bảo về hồ sơ, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm các dự án thuộc chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền ban hành và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 15 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 03

tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, KTNS (02).đta



CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

Biểu 01:**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Thành phố Quảng Ngãi	6	4,18	26.800,00	Biểu 1.1
2	Huyện Mộ Đức	7	1,53	963.482,00	Biểu 1.2
3	Huyện Tư Nghĩa	10	69,07	62.060,00	Biểu 1.3
4	Thị xã Đức Phổ	2	38,47	-	Biểu 1.4
5	Huyện Sơn Tịnh	6	14,92	17.605,50	Biểu 1.5
6	Huyện Trà Bồng	12	4,98	2.016,00	Biểu 1.6
7	Huyện Nghĩa Hành	1	0,39	177,00	Biểu 1.7
8	Huyện Bình Sơn	5	46,23	13.560,00	Biểu 1.8
	Tổng	49	179,77	1.085.700,50	

Biểu 1.1



DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+...+(13)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Tuyến đường nối từ đường Trần Anh Tông đến khu dân cư 623 C Nghĩa Dũng	1,05	Xã Nghĩa Dũng	Tờ bản đồ số 17, 22	Quyết định số 7922/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi	15.000			15.000				
2	Hạ tầng và Khu dân cư An Vĩnh, xã Tịnh Kỳ	0,12	Xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 20, 16	Quyết định số 7922/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi	6.000			6.000				
3	Khu dân cư Tân An, xã Nghĩa An	0,60	Xã Nghĩa An	Tờ bản đồ số 8	Quyết định số 7922/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi	4.000			4.000				
4	Vườn hoa, cây xanh tại thôn An Kỳ, xã Tịnh Kỳ	1,83	Xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 19	Quyết định số 7922/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi	1.800							
5	Trường THCS Chánh Lộ (phần mở rộng)	0,02	Phường Chánh Lộ	Tờ bản đồ số 25, 2 phường Chánh Lộ	Quyết định số 7922/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố								Đăng ký phần diện tích tăng thêm

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+...+(13)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
6	Đường Trương Quang Cận (đoạn từ đường Lê Đại Hành đến đường Lương Thế Vinh)	0,56	Phường Chánh Lộ	Tờ bản đồ số 01, 02 phường Chánh Lộ	Quyết định 3218/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của UBND thành phố; phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình đường Trương Quang Cận, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Lê Đại Hành đến đường Lương Thế Vinh)							Đăng ký phần diện tích tăng thêm
TỔNG CỘNG		4,18				26.800	-	-	25.000	-	-	-

Biểu 1.2



DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
1	Hệ thống tiêu nước nổi các xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng, Đức Thạnh	0,25	Xã Đức Phong, xã Đức Minh, xã Đức Thắng, xã Đức Thạnh	Tờ BĐ số 14 xã Đức Thạnh; Tờ BĐ số 18, 19, 22 xã Đức Thắng; Tờ BĐ số 3, 7, 8, 11, 14, 15, 19, 21, 22 và 23 xã Đức Minh và Tờ BĐ số 8, 21, 22, 29, 30 xã Đức Phong	Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống tiêu nước nổi các xã: Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng, huyện Mộ Đức	1.252		1.252				Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018, nay đăng ký bổ sung diện tích
2	Khu tái định cư thuộc dự án đường vào vùng lõi trang trại bò sữa vinamilk Quảng Ngãi	0,08	Xã Đức Phú	Tờ BĐ số 17	Quyết định số 3956/QĐ-UBND, ngày 24/9/2018 của UBND huyện Mộ Đức. Vốn UBND tỉnh phân bổ từ nguồn thu vượt ngân sách năm 2017	400			400			Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019, nay đăng ký bổ sung diện tích
3	Tuyến đường nội vùng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Đức Phong	0,70	Xã Đức Phong	Tờ BĐ 15, 21, 22, 30 và 38	Quyết định giao vốn số 385/QĐ-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	1.400		1.400				Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019, nay đăng ký bổ sung diện tích
4	Kè chống sạt lở bờ Nam Sông Vệ, thôn Nghĩa Lập, xã Đức Hiệp	0,12	Xã Đức Hiệp	Tờ BĐ số 4, 5, 8	Quyết định số 929/QĐ-UBND, ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn vốn thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ Nam Sông Vệ, thôn Nghĩa Lập, xã Đức Hiệp	30.000		30.000				Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021, nay đăng ký bổ sung diện tích
5	Tuyến đường Đức Tân (Quẹo Thửa Xuân) - Quốc lộ 24 (đoạn Nội Thị)	0,25	Xã Đức Tân và Thị trấn Mộ Đức	Tờ BĐ số 6 và 9 xã Đức Tân; Tờ BĐ 3, 4, 8, 9, 11, 12 và 16 Thị trấn Mộ Đức	Quyết định số 890/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	75.500		60.000	15.500			Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022, nay đăng ký bổ sung diện tích

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
6	Tuyến đường Bầu Súng - Biển Đạm Thủy Bắc (ĐH.34B)	0,08	Xã Đức Thạnh, xã Đức Minh và Đức Chánh	Tờ BĐ số 19, 20, 25 và 26 xã Đức Chánh; Tờ BĐ số 6, 7, 15 và 19 xã Đức Minh và Tờ BĐ số 03, 14 và 17 xã Đức Thạnh	Quyết định số 890/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	14.930		14.930				Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022, nay đăng ký bổ sung diện tích
7	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb	0,05	Xã Đức Chánh, Đức Minh	Tờ bản đồ số 08, 09, 15, 16, xã Đức Chánh; Tờ bản đồ số 01, 03, 04, 09, 13, 16, 20, 21, 24 xã Đức Minh	Quyết định số 890/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	840.000	840.000					Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, nay đăng ký bổ sung diện tích
Tổng cộng		1,53				963.482,0	840.000,0	107.582,0	15.900,0	-	-	

Biểu 1.3



DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN TƯ NGHĨA
(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
1	Mở rộng Thánh xá Nghĩa Mỹ	0,01	Xã Nghĩa Mỹ	Tờ số 1	Công văn số 4943/UBND-KTN ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh						không bồi thường	
2	Kè chống sạt lở sông Bàu ráng, đoạn qua thôn Điện An 4, xã Nghĩa Thương	0,80	Xã Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 1, 6	Giao vốn tại Quyết định số 8629/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa	100,0			100,0			
3	Kè chống sạt lở sông La Châu, xã Nghĩa Trung	0,20	Xã Nghĩa Trung	Tờ bản đồ số 18, 19	Giao vốn tại Quyết định số 8629/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa	30,0			30,0			
4	Khắc phục sạt lở bờ Bắc sông Cây Bứa ở thôn An Đại 3 và thôn Năng Tây 2 xã Nghĩa Phương	0,14	Xã Nghĩa Phương	Tờ bản đồ số 9, xã Nghĩa Phương	Giao vốn tại Quyết định số 8629/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa	80,0			80,0			
5	Trạm bơm Điện An 4, xã Nghĩa Thương	0,45	Xã Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 6 xã Nghĩa Thương	Giao vốn tại Quyết định số 8629/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa	70,0			70,0			
6	Đường từ cầu mương ngang đến Đập Quánh, xã Nghĩa Thương	2,10	Xã Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 17 xã Nghĩa Thương	Giao vốn tại Quyết định số 8629/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa	980,0			980,0			
7	Mở rộng đường vào di tích Chùa Ông	2,00	Xã Nghĩa Hòa	Tờ bản đồ số 9 xã Nghĩa Hòa	Giao vốn tại Quyết định số 8629/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa	1.800,0			1.800,0			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
8	Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà đi đường ĐH 28	11,70	Xã Nghĩa Thương; TT la Hà	Nghĩa Thương (tờ 4,8); TT la Hà (tờ 13,14)		10.500,0					10.500,0	Thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
9	Các Khu dân cư dọc đường dẫn Cầu Trà Khúc 3	30,00	Xã Nghĩa Thuận	Tờ 5,6,9		27.000,0					27.000,0	Thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
10	Khu dân cư phía Nam đường cụm CN La Hà-Nghĩa Thương (Khu dân cư Vạn Phúc và Khu dân cư Hưng Thịnh)	21,67	Xã Nghĩa Thương	Tờ 8,9,16		21.500,0					21.500,0	Thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
Tổng		69,07				62.060,00	-	-	3.060,00	-	59.000,00	

Biểu 1.5



DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN SƠN TỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (Triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Vốn khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Quảng trường Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	2,90	Xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 14 đo đạc năm 2018	Quyết định số 4778/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Sơn Tịnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương.	5.652,0		5.000,0	652,0			
2	Trung tâm văn hóa (giai đoạn 2)	6,00	Xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 14, 15, 20, 21 đo đạc năm 2018	Quyết định số 4390/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Sơn Tịnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023.	11.450,0		6.450,0	5.000,0			
3	Đầu tư hoàn thiện Đường trục chính Cụm Công nghiệp Tịnh Bắc	1,50	Xã Tịnh Bắc	Tờ bản đồ số 06 đo đạc năm 2018	Quyết định số 4390/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Sơn Tịnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023.	3,5			3,5			
4	Dự án Làn đường giảm tốc tại nút giao thông Quốc lộ 1A KCN Tịnh Phong	0,20	Xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 25, xã Tịnh Phong	Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn Ngân sách địa phương.	500,0		500,0				
5	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	4,30	Xã Tịnh Hà, xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 19, 20, 21, 22, 25 xã Tịnh Hà và Tờ bản đồ số 22, 23 xã Tịnh Sơn	Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Kè chống sạt lở bờ bắc sông Trà Khúc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi							Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022, nay đăng ký bổ sung diện tích

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (Triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Vốn khác
6	KDC phân khu OM9, OM10 tại Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh	0,015	Xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 14 đo vẽ năm 2018 xã Tịnh Hà	Quyết định số 4390/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện Sơn Tịnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023							Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019, nay đăng ký bổ sung diện tích
TỔNG		14,92				17.605,5	-	11.950,0	5.655,5	-	-	

Biểu 1.6



DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN TRÀ BÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)=(10)+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nhà văn hoá xã Trà Thanh	0,30	Xã Trà Thanh	Tờ bản đồ địa chính số 3 tỉ lệ 1/5000 đo vẽ năm 2007 đất lâm nghiệp	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bông về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện cá dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bông	466	405	61				
2	Hệ thống điện tổ 5, thôn Tây	0,004	Xã Trà Bùi và xã Trà Tân	Tờ bản đồ địa chính số 3, xã Trà Bùi và tờ bản đồ địa chính số 30 và 40 xã Trà Tân	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bông về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện cá dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bông	100	87	13				Danh mục theo QH sử dụng đất 2021-2030 (Hệ thống điện tổ 5, 6 thôn Tây)
3	Kéo đường dây điện 22KV Trà Nham - tổ 1,2 Nước Lát	0,012	Xã Trà Tân và xã Hương Trà	Tờ bản đồ địa chính số 9 tỷ lệ 1/5000, tờ bản đồ địa chính số 8 tỷ lệ 1/2000 xã Hương Trà và tờ bản đồ địa chính số 11, 12, 13, 14, 20, 21 tỷ lệ 1/1000 xã Trà Tân	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bông về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện cá dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bông	200	174	26				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Xuông	0,50	Xã Sơn Trà	Thửa 240, 241 tờ BĐ số 1	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện cá dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	150	131	20				
5	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - thôn Đông (Giai đoạn 3)	0,20	Xã Sơn Trà	TBĐ số 06 đất lâm nghiệp	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện cá dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	60	52	8				
6	Đường BTXM tổ 3 thôn Cát	0,80	Xã Trà Thanh	Tờ BĐ số 06 (BĐ đất lâm nghiệp)	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện cá dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	80	70	10				
7	Nâng cấp, mở rộng đường từ UBND xã đi đội 3, thôn Trà Veo (đường nội vùng Hồ Nước Trong) nối tiếp	1,87	Xã Trà Xinh	Tờ bản đồ địa chính số 7, 10, 11, 12, xã Trà Xinh (theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 28/02/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (đợt 2) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	320	278	42				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
8	Nối tiếp đường BTXM tổ 4, thôn Trà Lương	0,26	Xã Hương Trà	Tờ BĐ số 2 (BĐ đất lâm nghiệp)	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	40	35	5				
9	BTXM tuyến Đốc Chè đi tổ 1, tổ 2 thôn Cà Đam (nối tiếp)	0,45	Xã Hương Trà	Tờ BĐ số 11 (BĐ đất lâm nghiệp)	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh		0	0				
10	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung tổ 1 và tổ 2 thôn Trà Huỳnh	0,03	Xã Hương Trà	Tờ BĐ số 7 (BĐ đất lâm nghiệp)	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	100	87	13				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng số (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
11	Thuỷ lợi Suối Doanh 2	0,05	Xã Hương Trà	Tờ BĐ số 4 (BĐ đất lâm nghiệp)	Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương	300	261	39				
12	Cầu Suối Kem và đường dẫn	0,5	Thôn Trà Kem, xã Trà Xinh	Tờ bản đồ số 06 (bản đồ lâm nghiệp)	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	200	174	26				
Tổng cộng		4,98				2.016,0	1.753,9	262,1	-	-	-	

Biểu 1.7



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2023 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+...+(13)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Khu nghĩa trang nhân dân Gò Mít	0,39	Xã Hành Phước	Tờ bản đồ số 15 xã Hành Phước	Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	177,0	177,0						HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 06/9/2022, nay xin bổ sung diện tích tăng thêm
TỔNG CỘNG		0,39				177,0	177,0						

Biểu 1.8



DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Công trình: Khôi phục khả năng vận hành an toàn của Đường dây 110kV Tam Anh - Đốc Sỏi 500	0,04	Xã Bình Nguyên; xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 22 xã Bình Nguyên; Tờ bản đồ số 42; 52 xã Bình Chánh	Quyết định số 450/QĐ-HĐTV ngày 29/7/2022 của HĐTV Tổng công ty Điện lực miền trung về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023.	200		200					
2	Nhà văn hóa thôn Long Yên	0,04	Xã Bình Long	Tờ bản đồ số 8	Đất dân tự hiến làm nhà văn hoá thôn (không phát sinh kinh phí bồi thường).								
3	Khu đô thị mới phía Tây đường Phạm Văn Đồng	43,80	Xã Bình Trung và thị trấn Châu Ổ	Tờ bản đồ số 8, 17 và 18 Bình Trung, Tờ bản đồ số 42 thị trấn Châu Ổ	UBND huyện Bình Sơn đăng ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư								
4	Cải tạo mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.02	2,30	Xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 7, 8, 10, 11	Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	4.160,0			4.160,0				
5	Nút giao Quốc lộ 1A thuộc dự án Khu dân cư Đông Nam thị trấn Châu Ổ	0,05	Thị trấn Châu Ổ	Tờ bản đồ số 29	Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 và Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh	9200,0						9200,0	
Tổng cộng		46,23				13.560,00	-	200,00	4.160,00	-	9.200,00		

Biểu 02:



**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC BỔ SUNG
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	
1	Thành phố Quảng Ngãi	6	18,89	8,47		Biểu 2.1
2	Huyện Tư Nghĩa	2	12,89	4,60		Biểu 2.2
3	Thị xã Đức Phổ	1	7,96	0,46		Biểu 2.3
4	Huyện Sơn Tịnh	3	9,70	0,60		Biểu 2.4
5	Huyện Trà Bồng	3	1,50	0,23		Biểu 2.5
6	Huyện Nghĩa Hành	1	4,83	3,51		Biểu 2.6
7	Huyện Minh Long	1	2,00	0,04		Biểu 2.7
8	Huyện Bình Sơn	8	59,95	1,72		Biểu 2.8
Tổng		25	117,72	19,63	-	

Biểu 2.1**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Trung tâm Hội nghị và triển lãm tỉnh	5,63	1,28		Phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 01	Quyết định số 1387/ QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố
2	Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chỉnh trang đô thị, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	5,27	1,84		Phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 12, 31, 34	Quyết định số 1387/ QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố
3	Trung tâm Thể dục thể thao Trung Thành Long	1,15	1,15		Phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 23	Quyết định số 1231/ QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4	Khu dân cư Đông Sơn Mỹ	5,43	3,86		Xã Tịnh Khê	Tờ bản đồ số 08, 30, 31	Quyết định số Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án.
5	Đường Trương Quang Cận (đoạn từ đường Lê Đại Hành đến đường Lương Thế Vinh)	0,62	0,18		Phường Chánh Lộ	Tờ bản đồ số 01, 02	Kế hoạch tại Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
6	Đường Lê Thánh Tôn nối dài	0,79	0,16		Phường Nghĩa Chánh và xã Nghĩa Đồng	Tờ bản đồ số 13, 14, 39 phường Nghĩa Chánh, tờ bản đồ số 20, 21 xã Nghĩa Đồng	Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh. Nay đăng ký phần diện tích đất lúa tăng thêm
Tổng cộng		18,89	8,47				

Biểu 2.2

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền)	12,64	4,50		Xã Nghĩa Điền	Tờ bản đồ số 4,9,10	QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư 847/QĐ-UBND ngày 03/8/2022. Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
2	Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương (giai đoạn 2)	0,25	0,10		Xã Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 11, Nghĩa Thương	QĐ số 17061/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025
Tổng		12,89	4,60				

Biểu 2.3

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023 THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Đức Phổ (GPMB Đầu tư xây dựng hồ chôn lấp rác hợp vệ sinh)	7,96	0,46		Xã Phổ Nhơn	TBĐ số 16,27	Thực hiện kết luận của Ủy ban Trung ương, TB số 13/TB-UBND ngày 7/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi liên qua đến xử lý 22500 tấn rác tồn đọng của phường Phổ Thạnh
1	Tổng cộng	7,96	0,46				

Biểu 2.4**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023 HUYỆN SON TỊNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Quảng trường Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	2,90	0,20		Xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 14 đo đạc năm 2018	
2	Trung tâm văn hóa (giai đoạn 2)	6,00	0,35		Xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 14, 15, 20, 21 đo đạc năm 2018	
3	Mở rộng Khu thể thao xã Tịnh Giang	0,8	0,05		Xã Tịnh Giang	Tờ bản đồ số 13	
	TỔNG CỘNG	9,70	0,60				

Biểu 2.5



**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023 HUYỆN TRÀ BÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên BĐ địa chính (tờ BĐ số, thửa số) hoặc vị trí trên BĐ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đường BTXM từ nhà ông Hồ Văn Khương đến nhà ông Trần Quốc Viễn tổ 2, thôn 3	0,50	0,07	-	Xã Trà Thủy	Tờ bản đồ số 80, 81	KH 2023
2	Đường BTXM từ nhà ông Hồ Văn Kim tổ 16A, thôn 5 đến giáp đường BTXM tổ 15, thôn 5	0,50	0,13	-	Xã Trà Thủy	Tờ bản đồ số 85, 86	KH 2023
3	Đường BTXM Sinh Lãnh đi Hồ Chọi	0,50	0,03	-	Xã Trà Giang	TBĐ 13 (1/1000) xã Trà Giang	KH 2023
	Tổng cộng	1,50	0,23	-			

Biểu 2.6

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023 HUYỆN NGHĨA HÀNH



(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khu dân cư phía Bắc Kênh N12	4,83	3,51		Xã Hành Đức	Tờ bản đồ số 1,3,4	NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh đã thông qua danh mục thu hồi đất, chưa thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất
TỔNG CỘNG		4,83	3,51				

Biểu 2.7

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG
PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023 HUYỆN MINH LONG**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích Quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK thôn Làng Trê	2,00	0,04		Xã Long Môn	Tờ bản đồ số 03, 04 tỉ lệ 1/1000 và tờ bản đồ số 03 tỉ lệ 1/5000	Công trình đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tại Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh, diện tích đất lúa được HĐND tỉnh thông qua là 0,35. Nay đăng ký bổ sung 0,04 ha diện tích đất trồng lúa để phù hợp với thực tế
Tổng		2,00	0,040				

Biểu 2.8

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)
1	Dự án Nâng cấp, cải tạo sân bay Chu Lai (hạng mục: Đài K2)	1,04	0,61		Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 15; 24	
2	Khu dân cư Kè bắc sông Trà Bồng	42,08	0,28		Xã Bình Trung; Thị trấn Châu ô	Xã Bình Trung: Tờ bản đồ số 2;3;9;12. Thị trấn Châu Ô: Tờ bản đồ số 40; 41	
3	Công trình: Khôi phục khả năng vận hành an toàn của Đường dây 110kV Tam Anh - Dốc Sỏi 500	0,04	0,04		Xã Bình Nguyên; xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 22 xã Bình Nguyên: Tờ bản đồ số 42; 52 xã Bình Chánh	
4	Nhà văn hóa thôn Long Yên	0,04	0,04		Xã Bình Long	Tờ bản đồ số 8	
5	Cụm công nghiệp Bình Nguyên	1,14	0,20		Xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 23	
6	Cải tạo mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.01	1,49	0,20		Xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 17, 18	
7	Cải tạo mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.02	2,30	0,30		Xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 7, 8, 10, 11	
8	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb, phân đoạn: Đoạn kết nối đến trục Bắc Nam thành phố Vạn Tường, cầu Quỳnh Lưu, Quang Mỹ và đoạn từ Đức Chánh đến ĐT.624C	11,82	0,05		Xã Bình Châu	Tờ bản đồ số 19, 27, 28	
Tổng cộng		59,95	1,72				

Biểu 03:



**BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Thành phố Quảng Ngãi	6	126,550	Biểu 3.1
2	Huyện Mộ Đức	11	22,710	Biểu 3.2
3	Huyện Tư Nghĩa	2	9,836	Biểu 3.3
4	Thị xã Đức Phổ	1	4,550	Biểu 3.4
5	Huyện Sơn Tịnh	7	23,530	Biểu 3.5
6	Huyện Nghĩa Hành	1	1,970	Biểu 3.6
7	Huyện Minh Long	1	12,000	Biểu 3.7
8	Huyện Bình Sơn	2	2,280	Biểu 3.8
9	Huyện Sơn Hà	3	51,780	Biểu 3.9
Tổng		34	255,206	

Biểu 3.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI											
1	Khu dân cư Đông Sơn Mỹ	5,43	Xã Tịnh Khê						5,43	Xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023 để triển khai thực hiện dự án	Kế hoạch sử dụng đất năm 2020
2	Trường THCS Chánh Lộ (phần mở rộng)	0,30	Phường Chánh Lộ	0,26					0,30	Xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023 để triển khai thực hiện dự án	Kế hoạch sử dụng đất năm 2020
3	Xây dựng mới Nhà làm việc UBND xã Tịnh Kỳ	0,53	Xã Tịnh Kỳ			0,47	0,06		0,53	Đang xử lý về bồi thường đối với diện tích còn lại, của một hộ dân.	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
II DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ HẠN HƠN 03 NĂM VÀ ĐƯỢC HỖND TỈNH CHO TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022, NAY XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI											
1	Đường vào nhà máy xử lý rác Đồng Nà	3,468	Xã Tịnh Ấn Đông			0,598	2,87		3,468	Để tiếp tục thực hiện thu hồi đất GPMB và trình tỉnh giao đất trong năm 2023	bổ sung tại Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/08/2019
2	Khu đô thị An Phú Sinh, thành phố Quảng Ngãi	10,5	Phường Nghĩa Chánh	0,47		7,74	2,76		10,5	Đã thực hiện công tác thu hồi đất, chi trả tiền cho các hộ gia đình, cá nhân một phần diện tích để thực hiện dự án, phần diện tích còn lại (diện tích đã được điều chỉnh tại quyết định 6371/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND thành phố) vẫn tiếp tục giải quyết vướng mắc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng	Công trình năm 2019
3	Khu đô thị mới Phú Mỹ, thành phố Quảng Ngãi	106,32	Xã Nghĩa Đông và phường Nghĩa Chánh			103,64	2,68	103,61	2,71	Để làm thủ tục thu hồi, chuyển mục đích và giao đất thực hiện dự án.	
TỔNG CỘNG		126,55		0,26		112,45	8,37	103,61	17,51		

Biểu 3.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
I DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ HẠN 3 NĂM XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN MỘ ĐỨC											
1	Xây dựng Hạ tầng Cụm công nghiệp Quán Lát	Xã Đức Chánh và Đức Hiệp	5,54			2,40	3,14	1,80	3,74	Dự án đã thu hồi diện tích 2,40 ha đã trình UBND tỉnh giao đất đợt 1 (1,80 ha), đang giải quyết đơn thư khiếu nại để thực hiện thu hồi phần diện tích còn lại	Phê duyệt KHSDĐ 2020 tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
2	Tuyến đường QL 1A (ngõ ông Rân) - Tân Phong	Xã Đức Lân	2,70	0,06		2,20	0,50		2,70	Dự án đã thu hồi diện tích 2,20 ha, đã phê duyệt PABT và dự án có diện tích đất lúa phải đánh giá tác động môi trường theo Luật bảo vệ môi trường Luật số: 72/2020 QH14, xin tiếp tục thực hiện Kế hoạch năm 2023 để thực hiện công tác thu hồi đất phần còn lại và trình giao đất	Phê duyệt KHSDĐ 2020 tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú	
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao			
3	Khu tái định cư thuộc dự án đường vào vùng lõi trang trại bò sữa vinamilk Quảng Ngãi	Xã Đức Phú	0,12	0,18		0,12				0,12	Dự án đã thu hồi đất diện tích 0,12 ha nhưng thực tế dự án cần thu hồi diện tích đất là 0,20 ha (tăng 0,08 ha so với kế hoạch được duyệt). Nay xin gia hạn tiếp tục thực hiện 0,12 ha và đăng ký bổ sung diện tích 0,08 ha vào kế hoạch năm 2023 và dự án có diện tích đất lúa phải đánh giá tác động môi trường theo Luật bảo vệ môi trường Luật số: 72/2020 QH14	Phê duyệt KHSDĐ 2020 tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
4	Tuyến đường nội vùng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Đức Phong	Xã Đức Phong	2,07			2,07				2,07	Diện tích đã thu hồi 2,07 ha nhưng thực tế dự án cần thu hồi diện tích đất là 2,77 ha (tăng 0,70 ha so với kế hoạch được duyệt). Nay xin gia hạn tiếp tục thực hiện phần diện tích đăng ký bổ sung 0,70 ha vào kế hoạch năm 2023	Phê duyệt KHSDĐ 2020 tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
5	KDC Phía Tây Chợ Thạch Trụ (Đầu giá QSD đất)	Xã Đức Lân	1,15	0,39			1,15			1,15	Dự án chưa thu hồi đất và vướng quy hoạch bố trí tái định cư	Phê duyệt KHSDĐ 2020 tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Hoà - Đức Thạnh	Xã Đức Hoà, Đức Thạnh	0,11				0,11			0,11	Dự án được phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020. Chủ đầu tư đang lập thủ tục thu hồi đất	Phê duyệt KHSDĐ 2020 tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú	
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao			
7	Khu dân cư Tân Phú, xã Đức Lợi	Xã Đức Lợi	3,60				3,60			3,60	Dự án chưa có thông báo thu hồi đất và do điều chỉnh ranh giới quy hoạch để đảm bảo quy hoạch chung	Phê duyệt KHSDĐ 2020 tại Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
8	Nhà văn hoá thôn Chú Tượng	Xã Đức Hiệp	0,14				0,14			0,14	Dự án đang thực hiện công tác đo đạc, vướng công tác GPMB và phương án tái định cư	Phê duyệt KHSDĐ 2020 tại Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
II	DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ HẠN HƠN 3 NĂM VÀ ĐƯỢC HĐND TỈNH CHO TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 NAY XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN MỘ ĐỨC											
1	Đường vào vùng lõi Khu sản xuất chế biến thức ăn và chăn nuôi bò sữa tập trung ứng dụng công nghệ cao Vinamilk Quảng Ngãi (UBND huyện làm chủ đầu tư)	Xã Đức Phú	1,19	0,34		1,14	0,05			1,19	Dự án đã thu hồi diện tích 1,14 ha, đã phê duyệt PABT, GPMB. Tuy nhiên, hiện đang vướng phương án tái định cư và dự án có đất lúa phải làm đánh giá tác động môi trường theo Luật bảo vệ môi trường Luật số: 72/2020 QH14	Phê duyệt KHSDĐ 2019 tại Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
2	Đường QL1A - đường đông TT Mộ Đức (Nút 5)	TT Mộ Đức	1,28	1,10		1,11	0,17			1,28	Dự án đã thu hồi diện tích 1,11 ha, đang vướng mắc thực hiện thủ tục tái định cư tại chỗ, đang lập các thủ tục trình cấp có thẩm quyền chuyển mục đích, giao đất (đợt 1) để làm cơ sở bố trí, giao đất tái định cư và tiến hành giao đất đợt 2	Phê duyệt KHSDĐ 2019 tại Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú	
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao			
III	DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ HẠN HƠN 3 NĂM KHÔNG GIA HẠN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2022 NAY TIẾP TỤC ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN MỘ ĐỨC											
1	Hệ thống tiêu nước nổi mùa Đông các xã: Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng, Đức Thạnh	Xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng, Đức Thạnh	4,81	0,25		4,81				4,81	Dự án đã thu hồi diện tích 4,81 ha, nhưng thực tế dự án cần thu hồi diện tích đất là 5,06 ha (tăng 0,25 ha so với kế hoạch được duyệt). Nay xin gia hạn tiếp tục thực hiện 4,81 ha và đăng ký bổ sung thực hiện diện tích 0,25 ha trong kế hoạch năm 2023	Phê duyệt KHSDD 2019 tại Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
Tổng cộng:			22,71	2,32	0,00	13,85	8,86	3,87	18,84			

Biểu 3.3



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Đất lúa (LUC)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
					Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023										
1	Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa	Thị trấn La Hà, Nghĩa Thương	8,73		0	8,73	0	8,73	Dự án đã kiểm kê, lập phương án bồi thường. Đang trình UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường và quyết định thu hồi đất nên xin chuyển tiếp để tiếp tục để hoàn thành hồ sơ thu hồi, giao đất	2020
II DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ HẠN HƠN 03 NĂM VÀ ĐƯỢC HĐND TỈNH CHO TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022, NAY XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023										
2	Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (giai đoạn 1), huyện Tư Nghĩa, phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi-Thạch Nham), giai đoạn 2	Xã Nghĩa Thắng	1,106	0,18	0,986	0,12	0,986	0,12	Giao đất đợt 1 tại Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh; Đăng ký thực hiện thủ tục thu hồi, giao đất đợt 2 cho công trình	KHSDD tại Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 và Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
Tổng			9,836	0,180	0,986	8,850	0,986	8,850		

Biểu 3.5



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN SƠN TỊNH
(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN SƠN TỊNH											
1	KDC phân khu OM9, OM10 tại Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh	Xã Tịnh Hà	3,88	2,66	0,00	3,20	0,68		3,88	Đã thu hồi diện tích 3,2ha; Nay xin gia hạn trong năm 2023 để tiếp tục thực hiện. Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND huyện Sơn Tịnh	Năm 2020
2	Điểm dân cư số 5, thôn Bình Đông, xã Tịnh Bình	Xã Tịnh Bình	0,60	0,57		0,00	0,00	0,00	0,60	Đang lập thủ tục thu hồi đất; Nay xin gia hạn trong năm 2023 để tiếp tục thực hiện.	Năm 2020
3	Khu dân cư Đồng Miếu (giai đoạn 1), đợt 2	Xã Tịnh Hà	2,00			0,13				Đã thu hồi 0,131ha. Xin gia hạn kế hoạch sử dụng đất trong năm 2023 để chuyển mục đích sử dụng đất, bố trí tái định cư cho các hộ dân.	Năm 2020
4	Mở rộng Khu thể thao xã Tịnh Giang	Xã Tịnh Giang	0,80	0,05		0,56	0,24	0,00	0,00	Đã thu hồi đất, bồi thường, GPMB với diện tích 0,56ha, nay tiếp tục lập thủ tục thu hồi đất và xin chuyển mục đích và giao đất	Năm 2020
5	Khu dân cư Thế Lợi	Xã Tịnh Phong	1,00			0,83	0,17			Đã thu hồi đất, bồi thường, GPMB với diện tích 0,83ha, nay tiếp tục lập thủ tục thu hồi đất và xin chuyển mục đích và giao đất	Năm 2020
II DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ HẠN HƠN 03 NĂM VÀ ĐƯỢC HĐND TỈNH CHO TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022, NAY XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023											
1	Khu dân cư OM6 tại Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	Xã Tịnh Hà, Xã Tịnh Sơn	10,31	6,10	0,00	6,05	4,26	4,31	6,00	Đã chuyển mục đích sử dụng và thực hiện hoàn thành giai đoạn 1 với diện tích 4,31ha. Giai đoạn 2 đã thu hồi đất diện tích 4,1ha; Nay xin gia hạn trong năm 2023 để tiếp tục thực hiện.	KHSDĐ năm 2017 tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, được tiếp tục thực hiện trong năm 2022 tại Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 31/12/2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
2	Khu Thương mại - Dịch vụ và dân cư Tịnh Phong	Xã Tịnh Phong	4,94	1,53		4,54	0,40	0,00	4,94	Đã thu hồi 4,54ha. Xin gia hạn trong năm 2023 để thu hồi phần diện tích còn lại và chuyển mục đích, bố trí tái định cư cho các hộ dân.	KHSĐĐ năm 2018 tại Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 05/9/2018, được tiếp tục thực hiện trong năm 2022 tại Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
	TỔNG		23,53	10,91	0,00	15,31	5,74	4,31	15,42		

Biểu 3.6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Đất lúa (LUC)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
					Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ HẠN HƠN 03 NĂM VÀ ĐƯỢC HĐND TỈNH CHO TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022, NAY XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023									
1	Khu nghĩa trang nhân dân Gò Mít	xã Hành Phước	1,97		0	1,97	0	1,97	Để thực hiện thu hồi, giao đất đầu tư xây dựng công trình Khu Nghĩa trang nhân dân Gò Mít thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi -Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc -Nam phía Đông, giai đoạn 2021 -2025	KHSDĐ tại Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 (được tiếp tục thực hiện trong năm 2023)
Tổng			1,97		0	1,97	0	1,97		

Biểu 3.7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023										
1	Thủy điện Long Sơn	Xã Long Môn	12,00				12,00		12,00	Công trình được điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16/9/2022. Đang triển khai công tác thu hồi đất	KHSDĐ năm 2020
TỔNG CỘNG			12,00				12,00		12,00		

Biểu 3.8



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN BÌNH SON

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

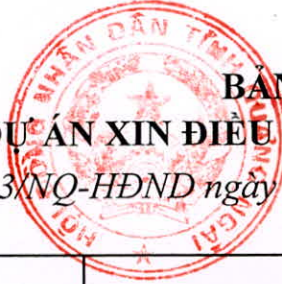
STT	Tên Công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	GHI CHÚ
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023										
1	Trung tâm Thể dục Thể thao huyện Bình Sơn (giai đoạn 3)	Thị trấn Châu Ô	0,33				0,33		0,33	Công trình đang thực hiện tái định cư cho người dân nên xin tiếp tục thực hiện để hoàn thành dự án.	KHSĐĐ năm 2020
2	Mở rộng Cụm công nghiệp Bình Nguyên (giai đoạn 3)	Xã Bình Nguyên, xã Bình Trung	1,95	0,50		1,30	0,65			Đăng ký thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất trong Cụm công nghiệp Bình Nguyên	
	Tổng cộng		2,28	0,50	-	1,30	0,98	-	0,33		

Biểu 3.9

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN SƠN HÀ
(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023											
1	Thủy điện Sơn Nham	24,64	Xã Sơn Nham; Sơn Linh	0,73	4,42		24,64		24,64	Dự án đã hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ trích đo địa chính khu đất phục vụ kiểm kê, lập phương án bồi thường; Đang lập Phương án và dự toán bồi thường GPMB, trình UBND huyện phê duyệt Phương án và Quyết định thu hồi đất. Do đó, xin tiếp tục thực hiện để hoàn thiện thủ tục về đất đai.	Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 tại Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 13/3/2020
2	Thủy điện Long Sơn	7,86	Xã Sơn Kỳ	0,40			7,86		7,86	Dự án đã hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ trích đo địa chính khu đất phục vụ kiểm kê, lập phương án bồi thường; Đang lập Phương án và dự toán bồi thường GPMB, trình UBND huyện phê duyệt Phương án và Quyết định thu hồi đất. Do đó, xin tiếp tục thực hiện để hoàn thiện thủ tục về đất đai.	Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 tại Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 13/3/2020
II DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ HẠN HƠN 03 NĂM VÀ ĐƯỢC HĐND TỈNH CHO TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022, NAY XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023											
3	Thủy điện Đăk Đrinh 2	19,28	Xã Sơn Bao			4,75	14,53		19,28	Chủ đầu tư đã triển khai thực hiện hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ trích đo địa chính khu đất phục vụ kiểm kê, lập phương án bồi thường. Đang lập Phương án và dự toán bồi thường GPMB, trình UBND huyện phê duyệt Phương án và Quyết định thu hồi đất. Do đó, xin tiếp tục thực hiện để hoàn thiện thủ tục về đất đai.	Kế hoạch sử dụng đất trong năm 2019 tại Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 24/01/2019, xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022 tại Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
TỔNG CỘNG		51,78		1,13	4,42	4,75	47,03		51,78		

Biểu 04:



**BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN NĂM 2023 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên huyện	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Thành phố Quảng Ngãi	2	163,08	Biểu 4.1
2	Huyện Mộ Đức	6	32,37	Biểu 4.2
3	Huyện Tư Nghĩa	1	1,106	Biểu 4.3
4	Huyện Sơn Tịnh	2	23,875	Biểu 4.4
5	Huyện Trà Bồng	1	0,50	Biểu 4.5
6	Huyện Nghĩa Hành	1	2,36	Biểu 4.6
Tổng		13	223,291	

Biểu 4.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN NĂM 2023 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Lý do xin điều chỉnh thông tin	Ghi chú
1	Trường THCS Chánh Lộ (phần mở rộng)	Phường Chánh Lộ	0,3	Tờ bản đồ số 25, 2 phường Chánh Lộ	Do sai sót trong quá trình rà soát bản đồ và soạn thảo văn bản có sai sót về tên công trình, diện tích và vị trí trên bản đồ địa chính. Nay xin điều chỉnh thông tin diện tích quy hoạch từ 0,28ha thành 0,3ha (tăng thêm 0,02 ha tại Biểu 1.1 kèm theo Nghị quyết này); điều chỉnh thông tin tờ bản đồ thành: Tờ bản đồ số 25, 2 phường Chánh Lộ; tên dự án từ Mở rộng Trường THCS Chánh Lộ thành Trường THCS Chánh Lộ (phần mở rộng) để có cơ sở triển khai thực hiện dự án.	Theo Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND tỉnh
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển Khu đô thị mới An Phú (đảo Ngọc), thành phố Quảng Ngãi	Phường Trương Quang Trọng và xã Tịnh An	162,78	Tờ bản đồ số 16, 17, 19, 20 phường Trương Quang Trọng; Tờ bản đồ số 8, 9, 10, 12, 13, 14 xã Tịnh An	Dự án được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 với tên gọi dự án Khu dân cư An Phú (đảo Ngọc). Ngày 09/3/2023, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển Khu đô thị mới An Phú (đảo Ngọc), thành phố Quảng Ngãi. Để có cơ sở triển khai công tác thu hồi đất, nay xin điều chỉnh tên để thống nhất.	Theo Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh
Tổng: 02 công trình			163,08			

Biểu 4.2



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN NĂM 2023 HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa đất) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh thông tin	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(10)
1	Hệ thống tiêu nước nội các xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng, Đức Thạnh	Xã Đức Phong, xã Đức Minh, xã Đức Thắng, xã Đức Thạnh	5,06	Tờ BĐ số 14 xã Đức Thạnh; Tờ BĐ số 18, 19, 22 xã Đức Thắng; Tờ BĐ số 3, 7, 8, 11, 14, 15, 19, 21, 22 và 23 xã Đức Minh và Tờ BĐ số 8, 21, 22, 29, 30 xã Đức Phong	Bổ sung thêm phần diện tích thu hồi tăng thêm 0,25 ha (tại biểu 1.2 kèm theo Nghị quyết này); bổ sung thêm 02 tờ bản đồ số 29 và 30 ở xã Đức Phong. Điều chỉnh diện tích quy hoạch từ 4,81 ha lên 5,06 ha	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018
2	Tuyến đường nội vùng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Đức Phong	Xã Đức Phong	2,77	Tờ BĐ 15, 21, 22, 30 và 38	Bổ sung thêm phần diện tích thu hồi đất tăng thêm 0,70 ha (tại biểu 1.2 kèm theo Nghị quyết này) và phát sinh tờ bản đồ số 38 ở xã Đức Phong. Điều chỉnh diện tích quy hoạch từ 2,07 ha lên 2,77 ha	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019
3	Tuyến đường Đức Tân (Quẹo Thửa Xuân) - Quốc lộ 24 (đoạn Nội Thị)	Xã Đức Tân và Thị trấn Mộ Đức	4,43	Tờ BĐ số 6 và 9 xã Đức Tân; Tờ BĐ 3, 4, 8, 9, 11, 12 và 16 Thị trấn Mộ Đức	Bổ sung thêm phần diện tích thu hồi (tăng thêm 0,25 ha tại biểu 1.2 kèm theo Nghị quyết này), do khai thác thông tin và biên tập bản đồ địa chính và ranh giới hành chính giữa 02 xã (Thị trấn Mộ Đức và xã Đức Tân), thiếu tờ bản đồ số 3, 11 bộ địa chính Thị trấn Mộ Đức. Điều chỉnh diện tích quy hoạch từ 4,18 ha lên 4,43 ha	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa đất) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh thông tin	Ghi chú
4	Tuyến đường Bầu Súng - Biên Đạm Thủy Bắc (ĐH.34B)	Xã Đức Thạnh, xã Đức Minh và Đức Chánh	4,46	Tờ BĐ số 19, 20, 25 và 26 xã Đức Chánh; Tờ BĐ số 6, 7, 15 và 19 xã Đức Minh và Tờ BĐ số 03, 14 và 17 xã Đức Thạnh	Bổ sung thêm phần diện tích thu hồi (tăng thêm 0,08 ha tại biểu 1.2 kèm theo Nghị quyết này), do khai thác thông tin và biên tập bản đồ địa chính và ranh giới hành chính giữa các xã (xã Đức Chánh và Đức Thạnh) thiếu tờ bản đồ số 14, 17 bộ địa chính xã Đức Thạnh và tờ bản đồ số 25 bộ địa chính xã Đức Chánh; Bổ sung thêm diện tích sân công. Điều chỉnh diện tích quy hoạch từ 4,38 ha lên 4,46 ha	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022
5	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb	Xã Đức Chánh, Đức Minh	15,35	Tờ bản đồ số 08, 09, 15, 16, xã Đức Chánh; Tờ bản đồ số 01, 03, 04, 09, 13, 16, 20, 21, 24 xã Đức Minh	Bổ sung thêm phần diện tích thu hồi (tăng thêm 0,05 ha tại biểu 1.2 kèm theo Nghị quyết này), nay đăng ký bổ sung thêm diện tích 0,05 ha vào kế hoạch do có thay đổi hướng tuyến. Xin điều chỉnh diện tích quy hoạch từ 15,30 ha lên 15,35 ha và bổ sung thêm tờ bản đồ số 15 xã Đức Chánh, tờ số 3 xã Đức Minh và loại bỏ tờ bản đồ số 10 xã Đức Minh	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa đất) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh thông tin	Ghi chú
6	Khu Nghĩa địa phía Tây đường Tân Phong, xã Đức Lân phục vụ GPMB dự án Dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhon	Xã Đức Lân	0,30	"Tờ bản đồ số 38 xã Đức Lân	Do sai sót trong quá trình tổng hợp nhằm tên công trình và tờ bản đồ số 38 xã Đức Lân thành xã Đức Hòa (theo Quyết định 1091/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi). Nay xin điều chỉnh là: tờ bản đồ số 38, xã Đức Lân và tên công trình là: Khu Nghĩa địa phía Tây đường Tân Phong, xã Đức Lân phục vụ GPMB dự án Dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhon	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 06/9/2022
Tổng cộng:			32,37			

Biểu 4.3



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN NĂM 2023 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Lý do xin điều chỉnh thông tin	Ghi chú
1	Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (giai đoạn 1), huyện Tư Nghĩa, phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi-Thạch Nham), giai đoạn 2	Xã Nghĩa Thắng	1,106	Tờ bản đồ số 11, 18 xã Nghĩa Thắng	Điều chỉnh diện tích giảm 0,014 ha (còn 1,106ha) để phù hợp với Quyết định số 8625/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư xã Nghĩa Thắng (giai đoạn 1), huyện Tư Nghĩa	Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh
Tổng: 01 công trình			1,106			

Biểu 4.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN NĂM 2023 HUYỆN SON TỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Lý do xin điều chỉnh diện tích đất trồng lúa	Ghi chú
1	KDC phân khu OM9, OM10 tại Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh	Xã Tịnh Hà	3,875		Công trình đăng ký KH SĐĐ năm 2020: Diện tích 3,86 ha; diện tích đo đạc là 3,875 ha, diện tích bổ sung thêm là 0,015 ha (Biểu 1.5 Nghị quyết này) cho chủ hợp với bản đồ đo vẽ đã được Sở TN&MT tỉnh thẩm định tại Công văn số 60/STNMT-ĐĐBĐ ngày 11/6/2021. Đồng thời điều chỉnh diện tích đất lúa từ 3,54ha xuống còn 2,661ha để phù hợp với diện tích thực tế	Theo Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND tỉnh
2	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Tịnh Hà, xã Tịnh Sơn	20,0	Tờ bản đồ số 19, 20, 21, 22, 25 xã Tịnh Hà và Tờ bản đồ số 22, 23 xã Tịnh Sơn	<ol style="list-style-type: none"> Điều chỉnh số tờ bản đồ: Từ "Tờ bản đồ số 19, 20, 21, 22, 26, 28 xã Tịnh Hà và Tờ bản đồ số 18, 22, 23 xã Tịnh Sơn" thành "Tờ bản đồ số 19, 20, 21, 22, 25 xã Tịnh Hà và Tờ bản đồ số 22, 23 xã Tịnh Sơn". Lý do để chuẩn xác tờ bản đồ. Điều chỉnh, bổ sung diện tích quy hoạch: Từ 15,7 ha thành 20,0 ha. Lý do điều chỉnh, bổ sung diện tích quy hoạch tăng 4,3ha là do 02 đoạn kè cũ đã xây dựng trước đây (với chiều dài 1.115m) khi thiết kế mới đầu nối các tuyến kè hiện hữu có điều chỉnh, bổ sung thiết kế làm tăng diện tích thu hồi đất so với Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Điều chỉnh Tên dự án: Từ "Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc" thành "Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi". Lý do tên dự án theo đúng Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình. 	Theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 của HĐND tỉnh
Tổng: 02 công trình			23,875			

Biểu 4.5

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN NĂM 2023 HUYỆN TRÀ BÔNG
(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Vị trí trên bản đồ địa	Lý do xin điều chỉnh	Ghi chú
1	Đường BTXM Sinh Lãnh đi Hố Choại	Xã Trà Giang	0,5	Tờ 07, tờ 13 (1/1000) xã Trà Giang	Bổ sung tờ bản đồ số 13 (1/1000) xã Trà Giang để phù hợp với vị trí thực tế của dự án	Theo Nghị quyết số 36/2022/NQ- HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh
Tổng: 01 công trình			0,5			

Biểu 4.6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN NĂM 2023 HUYỆN NGHĨA HÀNH
(Kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Lý do xin điều chỉnh thông tin	Ghi chú
1	Khu nghĩa trang nhân dân Gò Mít	xã Hành Phước	2,36	Tờ bản đồ số 15 xã Hành Phước	Điều chỉnh diện tích tăng 0,39 ha (thành 2,36 ha) tại Biểu 1.7 kèm theo Nghị quyết này và điều chỉnh tên dự án để phù hợp với Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 và Công văn số 1958/UBND ngày 07/10/2022 của UBND huyện Nghĩa Hành	Theo Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của HĐND tỉnh (công trình tiếp tục thực hiện năm 2022)
Tổng: 01 công trình			2,36			